

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2019

V/V tranh chấp: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lương Viết Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Nguyễn Ngọc Sơn**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đương Thị Thanh Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ: Ông **Hoàng Tuấn Dũng** - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2018/TLST- HNGĐ ngày 25/12/2018 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Việt Đ**, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1990 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 5, T, huyện T, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tại tòa án anh Nguyễn Việt Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Vũ Thị T năm 2008, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong công việc và trong cuộc sống, chị T thường xuyên đi làm ăn xa không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay không còn quan tâm

đến nhau, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 16/3/2008 và cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 5/8/2010. Hiện cháu Anh đang ở với chị T, cháu M ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả hai con, không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng, công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh không đề nghị giải quyết.

Trong bản tự khai, bị đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Việt Đ năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P, hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2014. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ đề nghị được ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 16/3/2008 và cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 5/8/2010. Hiện cháu A đang ở với chị, cháu M ở với anh Đ. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu A, và đồng ý để anh Đ nuôi cháu M, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung vợ chồng, công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Chị Vũ Thị T do điều kiện công việc, không tham gia phiên tòa được nên chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ vào quy định tại Khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ chị T kết hôn với nhau năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P hoàn toàn tự nguyện, đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận, sau phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ đề nghị ly hôn, chị T nhất trí.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Đ chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên không còn

chung sống cùng nhau, thời gian sống ly thân đã quá lâu. Vì vậy cần xử cho anh Đ được ly hôn chị T là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh Đ và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 16/3/2008 và cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 5/8/2010. Hiện cháu A đang ở với chị T, cháu M ở với anh Đ. Ly hôn anh Đ đề nghị được nuôi cả hai con, chị T đề nghị được nuôi cháu A, và để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu M.

Xét đề nghị được nuôi con của anh Đ và chị T là đề nghị chính đáng, tuy nhiên trên thực tế anh Đ đang nuôi dưỡng cháu M, cháu A được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay cả hai cháu đang sinh sống, học tập ổn định. Nguyên vọng của cháu A được ở với mẹ, cháu M có nguyện vọng ở với bố.

Vì vậy để tránh xáo trộn tâm lý và việc học tập hiện tại của các cháu, Hội đồng xét xử giao cháu M cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cho tới khi các cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[3] Về tài sản chung vợ chồng, công nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh Đ, chị T không đề nghị toà án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Việt Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật ; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn chị T. Về con chung: xử giao cháu Nguyễn Thanh M cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho tới khi thành niên; giao cháu Nguyễn Việt A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho tới khi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay và công sức đóng góp : Không đặt ra giải quyết trong vụ án này do anh Đ chị T không yêu cầu.

Về án phí sơ thẩm: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Khoản 1, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Việt Đ được ly hôn chị Vũ Thị T

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 5/8/201x cho anh Nguyễn Việt Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 16/3/200x cho cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; kể từ tháng 3/2019 cho đến khi các cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và đều có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung vợ chồng, công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh Đ chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Việt Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Đ đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0001459 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú, lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy;
- THADS huyện Thanh Thủy;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- L- u hồ sơ- VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú